

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

## TRỞ LẠI GIẢ THIẾT VỀ CHỮ VIẾT TRONG VĂN HÓA ĐÔNG SƠN THỜI HÙNG VƯƠNG Ở VIỆT NAM

TRẦN TRÍ DŨI\*

**TÓM TẮT:** Ở Việt Nam giả thiết văn hóa Đông Sơn đã có “chữ viết” từng được Hà Văn Tấn nêu ra vào những năm 80 của thế kỉ trước; nhưng chứng cứ cũng như lập luận mà ông trình bày vẫn chưa đủ cơ sở để có thể chứng minh cho hiện tượng ngôn ngữ đó. Tuy nhiên về sau vẫn có thêm một vài nhà nghiên cứu khác lại cho rằng chữ viết của những tộc người nói nhóm tiếng Thái (Taic) theo kiểu Sanxkrit “bắt nguồn từ chữ viết Đông Sơn” thời Hùng Vương. Bài viết này, trên cơ sở kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ lịch sử, cung cấp chứng cứ và phân tích để thấy rằng chưa thể chứng minh được vào giai đoạn văn hóa Đông Sơn, ngôn ngữ của cư dân văn hóa đã có chữ viết. Vì thế điều đó cũng có nghĩa ý kiến cho rằng chữ viết của tộc người Thái theo kiểu Sanxkrit ở Việt Nam hiện diện vào giai đoạn văn hóa Đông Sơn cũng là một giả thiết không có cơ sở khoa học.

**TỪ KHÓA:** chữ viết; kiểu Sanxcrit; văn hóa Đông Sơn; tộc người Thái.

**NHẬN BÀI:** 27/12/2021.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 15/1/2022

## 1. Lịch sử vấn đề

Theo kết quả khảo cứu của Nguyễn Quang Hồng thì từ năm 1942 học giả Nguyễn Đông Chi đã từng đưa ra vấn đề cho rằng “thời đại tối cổ, người Việt Nam đã có một thể văn tự riêng” [Nguyễn Quang Hồng, 2008, tr.76]. Ông cho biết, cách thức mà nhà nghiên cứu này đưa ra giả định nói trên là dựa vào sự hiện diện những dạng thức văn tự cổ hiện nay ở một vài dân tộc thiểu số của Việt Nam để minh chứng. Tuy nhiên đến năm 1955, chúng ta biết rằng chính Nguyễn Đông Chi, sau khi phân tích vấn đề “chữ viết” thời đại tối cổ do mình nêu ra trước đây, đã lại tự phủ nhận giả thiết đó khi ông viết “... chúng ta có thể kết luận rằng trước thời Bắc thuộc<sup>1</sup>, chúng ta chưa có chữ viết. Trên các trống đồng là những vật mà cha ông ta ghi đời sống sinh hoạt vật chất tinh thần buổi ấy mà cũng không có lấy một nét chữ” [Nguyễn Đông Chi, 1955, tr.26]. Như vậy, qua kết luận mà Nguyễn Đông Chi thể hiện ở trên, có thể thấy người ta vẫn chưa xác định được “dấu vết văn tự” của người Việt trước thời Bắc thuộc ở những di vật khảo cổ thời Đông Sơn và ý kiến đó có thể được coi như là sự phản ánh những kết quả nghiên cứu trước năm 1955 về văn tự của người Việt cổ trước thời Bắc thuộc.

Sau kết luận của Nguyễn Đông Chi, trong cuộc thảo luận về thời kì “Hùng Vương dựng nước” thuộc giai đoạn văn hóa Đông Sơn vào thập niên 70 của thế kỉ trước, có không ít nhà nghiên cứu lịch sử và văn hóa hàng đầu Việt Nam đã lại tiếp tục nêu ra vấn đề “chữ viết của người Việt cổ”. [Viện Khảo cổ học, 1970; 1972; 1973; 1974]. Tuy nhiên, khi đánh giá về kết quả nghiên cứu của vấn đề được nêu ra ấy, nhà khảo cổ học hàng đầu Việt Nam Hà Văn Tấn có một nhận xét rất đáng chú ý. Theo như cách nhận xét của ông thì những ý kiến thảo luận ấy đều “chưa đủ sức thuyết phục” [Hà Văn Tấn, 1982, tr.31], tức là chưa đủ cơ sở để cho rằng văn hóa Đông Sơn đã có chữ viết hay chưa. Thế nhưng, mặc dù đánh giá những thảo luận liên quan đến “vấn đề chữ viết của người Việt cổ” trong cuộc thảo luận về thời kì Hùng Vương là “chưa đủ sức thuyết phục” như thế, Hà Văn Tấn lại đã bổ sung thêm một ý kiến khác. Ý kiến đó là “theo tôi, giả thiết cho rằng cư dân Đông Sơn là người sáng tạo ra hệ thống chữ viết đã tìm thấy trên các qua đồng và cả trên lưỡi cày đồng vẫn giữ nguyên ý nghĩa...” [Hà Văn Tấn, 1982, tr.45]. Kết luận như thế được Hà Văn Tấn nêu ra dựa trên cơ sở ông khảo sát 20 hình vẽ (mà ông xác định là những *ki tự*) được tìm thấy ở 5 di vật khảo cổ trong khu vực và chúng được cho là đều thuộc thời văn hóa Đông Sơn. Những di vật khảo cổ ấy gồm “lưỡi cày đồng Đông Sơn” tìm thấy ở Thanh Hóa, chiếc “qua đồng” cũng được cho là ở Thanh Hóa; ba “chiếc qua trong mộ Sở ở Hà Nam” trên lãnh thổ Trung Quốc. Sau khi phân tích giá trị thể hiện “kí tự” của những kí hiệu có trên các di vật khảo cổ và dựa vào “định nghĩa về chữ viết” đã có của giới văn tự học, ông đã khẳng định “giả thiết cho rằng cư dân Đông Sơn là người sáng tạo ra hệ thống chữ viết,... vẫn giữ nguyên ý nghĩa”. Tuy nhiên, cũng chính ông đã viết thêm là “Nhưng giả thiết thì vẫn là giả

\* GS.TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: ttdoihanh@gmail.com

thiết, muốn chứng minh hay bác bỏ, đều cần có nhiều tài liệu hơn nữa” [Hà Văn Tấn, 1982, tr.45]. Mặc dù Hà Văn Tấn đã giới hạn ý kiến của mình là “giả thiết thì vẫn là giả thiết” cần phải được tiếp tục chứng minh nhưng nhiều năm sau, Trần Ngọc Thêm đã coi đây như là một trong những “cơ sở” hay “cứ liệu” để tiếp tục cho rằng đã có thể nói đến “chữ viết của lớp văn hóa bản địa...trước Hán và khác Hán” khi ông thảo luận về nội hàm “bản sắc văn hóa Việt Nam” trong sách mà ông xuất bản [Trần Ngọc Thêm, 2001, tr.85-87].

Những ý tưởng cho rằng ở giai đoạn văn hóa Đông Sơn của Việt Nam ngôn ngữ của cư dân sử dụng ở đây là ngôn ngữ đã có chữ viết còn đa dạng hơn khi nhà sử học khác, ông Lê Trọng Khánh, gắn giả thiết chữ viết đó với những tộc người nói nhóm tiếng Thái. Theo đó, tác giả này đã viết “Chữ Thái cổ bắt nguồn từ chữ viết Đông Sơn” [Lê Trọng Khánh, 1986, tr.33]. Giả thiết chữ viết theo kiểu Sanskrit của tộc người nói tiếng Thái (Taic) đã xuất hiện hay có nguồn gốc từ giai đoạn văn hóa Đông Sơn thời Hùng Vương là giả thiết hình như vẫn “động lại” ở một vài nhà nghiên cứu nhân học văn hóa ở Việt Nam trong mấy chục năm gần đây. Chẳng hạn, đó là diễn giải tiếp theo của Lê Trọng Khánh khi sau gần 25 năm, vào năm 2010, ông đã tiếp tục bảo vệ luận điểm trước đây của mình bằng cách nhắc lại rằng “chữ *Khoa đẩu*<sup>2</sup> (蝌蚪)” đang có ở Việt Nam hiện nay là được bắt nguồn từ một loại văn tự cổ của người Việt cổ. Trong công trình mới xuất bản này, Lê Trọng Khánh đã cố gắng chứng minh loại văn tự cổ của người Việt mà ông nói đến đã có từ thời “văn hóa Đông Sơn”. Vì thế, người ta cũng có thể thấy rằng đối với nhà nghiên cứu lịch sử này, “Chữ Thái cổ” hay “chữ *Khoa đẩu*” của người Thái là một dạng văn tự bắt nguồn từ chữ Việt cổ thời văn hóa Đông Sơn [Lê Trọng Khánh, 2010] và được lưu giữ cho đến ngày nay.

Trong những năm gần đây, Trịnh Sinh khi bàn về “Người Thái và văn hóa Đông Sơn” đã lại đưa ra một lập luận có liên quan đến nội dung này. Cụ thể kiến giải của ông là như sau:

Đầu tiên, theo ông “Yếu tố Tày Thái cổ đã ảnh hưởng nhiều đến ngôn ngữ Việt là điều không thể phủ nhận được. Vấn đề được đặt ra là: Yếu tố Tày Thái cổ... “nhảy” vào tiếng Việt từ khi nào?...Tuy nhiên, vấn đề khi nào thì yếu tố Tày Thái mới trở thành yếu tố quan trọng trong sự hình thành tiếng Việt thì các nhà ngôn ngữ học không thể trả lời được, vì họ không phân lập được niên đại tuyệt đối của quá trình hình thành này” [Trịnh Sinh, 2015, tr.107]. Từ logic đó, ông viết tiếp rằng “Người Thái có chữ viết riêng. Chữ viết này không ảnh hưởng đến người Việt ở đồng bằng trong thời Bắc thuộc. Khi đó, người Việt đã “mượn” chữ của người Hán để diễn tả trong thơ văn, thư tịch của người Việt. Người Thái, người Tày khi đó cũng đã có sự cư trú ở vùng núi Tây Bắc và Việt Bắc rồi. Sự ảnh hưởng của của ngôn ngữ Tày Thái hầu như không có ở miền xuôi nữa” [Trịnh Sinh, 2015, tr.108]. Sau đó, từ trình tự thời gian và trạng thái ngôn ngữ cũng như trạng thái định cư như vừa được diễn giải của người Tày Thái, ông tiếp tục lập luận thêm là “Vậy thì tại sao trong tiếng Việt lại in đậm ngôn ngữ Tày Thái? Theo chúng tôi, ngôn ngữ Tày Thái phải “xâm nhập” vào ngôn ngữ Việt vào thời gian trước Bắc thuộc (TTD nhấn mạnh). Mà trước Bắc thuộc chính là thời kì văn hóa Đông Sơn. Hay nói một cách khác: Yếu tố ngôn ngữ Tày Thái phải có mặt trong thời Đông Sơn hoặc trước thời Đông Sơn để mới có thể kết hợp với các yếu tố ngôn ngữ Môn-Khơ me tạo nên tiếng Việt” [Trịnh Sinh, 2015, tr.109].

Theo diễn trình tự lập luận của Trịnh Sinh, chúng ta nhận thấy hai điều. Thứ nhất đối với ông “ngôn ngữ Tày Thái phải có mặt trong thời Đông Sơn hoặc trước thời Đông Sơn”; thứ hai do “Người Thái có chữ viết riêng. Chữ viết này không ảnh hưởng đến người Việt ở đồng bằng trong thời Bắc thuộc” mà sẽ ảnh hưởng ở một vùng địa lí khác trước thời kì Bắc thuộc. Rõ ràng, với logic lập như thế, Trịnh Sinh buộc người đọc phải tự đưa ra kết luận cho riêng mình. Mà kết luận ấy thì, với hình thức lập luận mà ông diễn giải, không thể nào khác là “trong thời Đông Sơn hoặc trước thời Đông Sơn” đã hiện diện ngôn ngữ của người Tày Thái; đồng thời ngôn ngữ đó là một ngôn ngữ đã “có chữ viết riêng”.

Như vậy, khi nêu ra giả thiết ở thời kì văn hóa Đông Sơn cư dân ở đây có thể có chữ viết, rõ ràng là có hai cách lí giải khác nhau. Đối với Hà Văn Tấn, ông đã không xác định rõ “cư dân Đông Sơn nào là người sáng tạo ra hệ thống chữ viết” khi ông lưỡng lự rằng “có thể một phần lớn cư dân Đông Sơn nói ngôn ngữ Việt Mường<sup>3</sup>. Điều này không loại trừ một bộ phận cư dân của văn hóa này nói ngôn ngữ Thái...”. [Hà Văn Tấn 1997, tr.760]. Trong khi đó, Lê Trọng Khánh và rõ ràng về sau

có thể gồm cả Trịnh Sinh (cho dù ông không khẳng định một cách trực diện) đã cho rằng chữ viết của cộng đồng người nói tiếng Thái bắt nguồn (hoặc đã có) từ giai đoạn văn hóa Đông Sơn.

## 2. Thảo luận vấn đề

Có lẽ, vấn đề đầu tiên là chúng ta kiểm tra lại sau khi Hà Văn Tấn đưa ra giả thiết “cư dân Đông Sơn là người sáng tạo ra hệ thống chữ viết... vẫn giữ nguyên ý nghĩa” thì đã có thêm cứ liệu mới nào khả dĩ ủng hộ cho giả thiết này chưa. Theo hiểu biết của chúng tôi, cho đến hiện nay (năm 2021) hầu như giới văn tự học ở Đông Nam Á vẫn chưa có thêm chứng cứ để có thể chứng minh cho giả thiết mà ông nêu ra. Vì thế, giả thiết này, như cách nói của ông, nó vẫn chỉ “là giả thiết” mà chưa thể có thêm được chứng cứ để minh chứng.

Tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ đơn thuần căn cứ vào logic lập luận mà Hà Văn Tấn đã trình bày khi ông đưa ra giả thiết thì người ta cũng có thể nhận thấy khó có cơ sở để cho rằng “ngôn ngữ của cư dân Đông Sơn đã có chữ viết”. Lí do là, tiếng nói của “cư dân Đông Sơn” đã được nhận diện là ngôn ngữ người Việt thuộc giai đoạn *tiền Việt* (proto Vietic) [Trần Trí Dõi, 2020; 2020a]; nhưng giả thiết của Hà Văn Tấn về mặt cơ sở khoa học đã chưa thể hiện được chữ viết mà ông nói đến là chữ viết của ngôn ngữ cư dân nói *nhóm tiếng Việt* (Vietic) hay của ngôn ngữ cư dân khác mà trong đó có thể có *nhóm tiếng Thái* (Taic). Rõ ràng, khi nói đến một hệ thống văn tự thì không thể không xác định nó là hệ thống văn tự dùng để ghi lại kiểu tiếng nói nào của cộng đồng cư dân. Thứ nữa là giá trị của 20 kí hiệu ở những di vật khảo cổ mà ông cho là những “kí tự” đã chưa được xác nhận “giá trị địa lí” thuộc về vùng văn hóa Đông Sơn. Điều đó có nghĩa là, trong số 20 kí hiệu được cho là “kí tự” mà ông dẫn ra, hầu như chúng ta chưa đủ dữ liệu để có thể chứng minh chủ nhân 13 kí hiệu thuộc những di vật khảo cổ “trong mộ Sỡ ở Hà Nam” Trung Quốc mà ông mô tả “là sở hữu” của cư dân Đông Sơn ở Việt Nam. Mặt khác, nếu 13 kí hiệu thuộc những di vật khảo cổ ở miền Nam Trung Quốc ấy là “kí tự” thì chúng là những kí tự thuộc loại hình chữ viết nào (ghi âm hay ghi ý) theo cách “phân loại truyền thống”? Có thể thấy, những miêu tả của Hà Văn Tấn về những kí hiệu mà ông tìm thấy đó còn vẫn “mơ hồ” chưa đủ cơ sở để có thể trả lời cho những câu hỏi vừa được nêu ra ở trên. Sự thiếu nhất quan đó thể hiện khi thì ông giả định “các kí hiệu này cũng là các kí hiệu-khái niệm của chữ viết ghi ý”, khi thì ông lại viết “những kí hiệu cấu tạo bằng những đoạn cong và đoạn thẳng... đã làm cho chữ viết có tính chất hình tuyến (linéaire)...thường hay gặp trong các chữ viết ghi âm” [Hà Văn Tấn 1982, tr.42]. Đồng thời, sự thiếu nhất quan ấy cũng lộ ra khi chính ông cho biết có một khả năng khác rằng “theo cách phân loại của Istrin, hệ thống chữ viết vừa phát hiện<sup>4</sup> có khả năng thuộc loại hình *Logogramme*, tức *chữ viết ghi từ*. Vì..., các kí hiệu trong các dòng chữ trên các qua có thể là biểu đạt các từ... Tuy vậy, vẫn không loại bỏ hoàn toàn khả năng *Syllabogramme*, chữ viết ghi âm tiết của hệ thống văn tự này” [Hà Văn Tấn, 1982, tr.42]. Rõ ràng, khi mà có sự lưỡng lự nước đôi như thế thì làm sao có thể trả lời cho câu hỏi rằng những kí hiệu được ông tìm thấy đó thực chất là “thuộc loại hình chữ viết nào?”. Cho nên, theo suy nghĩ của chúng tôi, những bất cập như vừa được nêu ra là đã gần như đủ để nói lên rằng 13 kí hiệu thuộc những di vật khảo cổ ở miền Nam Trung Quốc ấy chưa thể là những kí hiệu thuộc một hệ thống văn tự cụ thể nào đó. Và nếu thế, với 07 kí hiệu còn lại trên những di vật thật sự của văn hóa Đông Sơn thì không đủ dữ liệu để nói về một “hệ thống chữ viết” nào đó.

Chính vì những băn khoăn đó, giả thiết cho rằng “cư dân Đông Sơn là người sáng tạo ra hệ thống chữ viết” là một giả thiết còn chưa đứng vững ngay ở chính logic lập luận mà tác giả đã nêu ra. Rõ ràng, trong một khả năng như thế, cùng với tình trạng là cho đến hiện nay người ta vẫn còn chưa thể có thêm được tư liệu mới để ủng hộ cho giả thiết, nên chằng bây giờ chúng ta chỉ có thể chấp nhận rằng ngôn ngữ người Việt ở giai đoạn tiền Việt, với tư cách ngôn ngữ của cộng đồng cư dân chủ thể văn hóa Đông Sơn, vẫn là một ngôn ngữ còn chưa thể chứng minh được đã có hệ thống chữ viết với nghĩa đầy đủ của nó. Nói một cách đơn giản hơn, cho đến hiện nay, người ta chưa thể chứng minh tiếng nói của “cư dân chủ thể thời kì văn hóa Đông Sơn” là ngôn ngữ đã có chữ viết.

Còn về giả thiết hệ thống chữ viết của cư dân chủ thể văn hóa Đông Sơn là cơ sở chữ viết của những ngôn ngữ nhóm tiếng Thái ở Việt Nam thì có thể thảo luận như sau. Chúng ta biết rằng kết quả nghiên cứu văn tự học về một số ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Thái-Kadai ở khu vực Đông Nam Á đã cho thấy khả năng “cư dân Đông Sơn là người sáng tạo ra hệ thống chữ viết” thuộc cộng đồng nói ngôn

ngữ hệ Thái-Kadai là không hiện thực [Ferlus M., 1988, 1999]. Dựa vào kết quả nghiên cứu về nguồn gốc chữ Thái cổ đã được M. Ferlus trình bày rõ ràng trong nhiều nghiên cứu của ông về văn tự Thái ở khu vực Đông Nam Á và Việt Nam thì chúng ta sẽ nhận thấy rõ điều đó. Cụ thể, nghiên cứu của M. Ferlus cho biết ở khu vực Campuchia - Việt Nam - Lào - Thái Lan có chữ viết theo một tiêu loại thuộc kiểu chữ *Khmer*, và một tiêu loại thuộc truyền thống *chữ viết Môn*. Cả hai tiêu loại này đều có nguồn gốc Ấn Độ hiện diện quanh vùng vịnh Thái Lan vào quãng thời gian thế kỉ thứ VI - VII. Đây mới chính là cội nguồn của văn tự Thái theo dạng thức Sanskrit (hay kiểu chữ mà tiếng Hán gọi là *khoa đầu*). Kiểu văn tự theo truyền thống văn tự *Môn* là nguồn gốc cho các kiểu chữ của những ngôn ngữ nhóm tiếng Thái sau này ở Myanma (như tiếng Thái Shan, tiếng Thái Mau, tiếng Thái Nua) cho đến vùng Thái Assam (hay tiếng Thái Ahom) [Ferlus M., 1999]. Còn kiểu chữ viết theo tiêu loại *Khmer* được hình thành vào quãng thế kỉ thứ III (thời Phù Nam) ở vùng lãnh thổ Campuchia hiện nay khi văn hoá Ấn Độ tiếp xúc và giao lưu với văn hoá của cư dân bản địa vào thời kì đó. Từ chữ viết *Khmer* cổ gốc Ấn Độ ấy, người Thái tiếp nhận và xây dựng nên các kiểu chữ Thái ở vùng Sủ Khô Thái thuộc miền Trung vương quốc Thái Lan hiện nay. Sự kiện này còn được ghi lại trên văn bia “vua Ramgamhaeng” có niên đại chính xác là năm 1283 (tức thế kỉ XIII). Tiếp sau đó, từ kiểu chữ “Ramgamhaeng” ban đầu ấy của người Thái, kiểu chữ Thái (còn gọi là kiểu chữ Xiêm) hiện đang được người Thái Lan sử dụng đã xuất hiện. Và tình trạng này cũng đã được ghi lại trong một văn bia có niên đại vào năm 1357 (tức vào thế kỉ XIV). Cũng bắt nguồn từ chữ viết “Ramgamhaeng”, những kiểu chữ như chữ Thái sử dụng ở vùng bắc Thái Lan, dạng chữ Fakkham sử dụng ở Lào hiện nay cũng như các kiểu chữ của những nhóm cư dân Thái ở vùng bắc Lào và miền Bắc Việt Nam lần lượt xuất hiện. Những kiểu chữ thuộc nhóm sau này, như vậy, được xác nhận lần đầu tiên với thời gian chính xác là năm 1411 (tức thế kỉ XV) và được dùng phổ biến từ thế kỉ XVII về sau như những dạng thức đang được dùng hiện nay [Ferlus M., 1988, tr.4-6]. Nói một cách khác, dường như các kiểu chữ viết của những nhóm tiếng Thái ở Đông Nam Á đều có nguồn gốc từ Ấn Độ mà chữ viết tiếng Môn và tiếng Khmer là kiểu trung gian.

Kết quả nghiên cứu của các nhà văn tự học Đông Nam Á cho chúng ta biết rằng những kiểu chữ viết của các nhóm cư dân nói tiếng Thái ở Việt Nam như chữ của tiếng Thái Đen, tiếng Thái Trắng, tiếng Thái Đeng (hay Thái Thanh), tiếng Thái Do (Yo) và tiếng Thái Lai Pao cũng là kiểu chữ theo truyền thống Sanskrit. Ở bình diện ngôn ngữ học, những dạng chữ viết đó đều được xác nhận là chữ ghi âm theo truyền thống Sanskrit ở Ấn Độ. Học giả M. Ferlus, khi so sánh một cách chi tiết hệ thống “kí tự chữ viết (graphique)” và hệ thống ngữ âm của mỗi một tiếng Thái cụ thể trong vùng, đã khẳng định rằng “John F. Hartmann đã đặt cơ sở, và tôi cũng đồng ý với ông, cho một giả thuyết rằng chữ viết của người Thái đen và Thái trắng bắt nguồn từ kiểu chữ Fakkham” [Ferlus M., 1988, tr.6]. Có lẽ, theo chúng tôi, khi mà chúng ta chưa có được chứng cứ hay tư liệu để chứng minh rằng giả thuyết được John F. Hartmann và M. Ferlus đưa ra là chưa đủ cơ sở, thì có nghĩa là chữ viết của các nhóm người nói tiếng Thái ở Việt Nam chỉ có thể được xác nhận xuất hiện từ khoảng trước năm 1411 (tức từ thế kỉ thứ XV) trở lại đây mà thôi. Điều đó cũng có nghĩa, cái gọi là “chữ Thái cổ” hay “chữ *Khoa đầu*” đang có ở Việt Nam hiện nay được Lê Trọng Khánh cho bắt nguồn một loại văn tự của người Việt cổ thời Đông Sơn” là một giả thiết chưa có cơ sở khoa học về văn tự học để minh chứng. Và vì thế mà cách nói “Người Thái có chữ viết riêng. Chữ viết này không ảnh hưởng đến người Việt ở đồng bằng trong thời Bắc thuộc” là cách nói cũng không có cơ sở khoa học về nguồn gốc văn tự kiểu Ấn Độ của cư dân nói nhóm tiếng Thái ở Việt Nam.

Hơn nữa, nếu chúng ta chú ý thêm vào cách liên hệ giữa địa lí phân bố những di chỉ khảo cổ thể hiện đặc trưng của mỗi văn hóa với địa lí cư trú hiện nay của cư dân nói các ngôn ngữ nhóm tiếng Thái và nhóm tiếng Việt cũng phần nào có thể thấy vào thời kì văn hóa Đông Sơn cư dân giữa hai nhóm ngôn ngữ chỉ là những cộng đồng cư dân láng giềng. Theo như kết quả nghiên cứu của L. Sagart [Sagart L., 2004], ở thời kì tiền sử những người nói những ngôn ngữ nhóm tiếng Thái thuộc họ Thái-Kadai chỉ có thể là cư dân “láng giềng” của cư dân Đông Sơn ở về phía bắc sông Hồng. Về sau, do “Trong hàng ngàn năm... người Thái và người Việt đều đã sống dưới sự thống trị của Trung Hoa” [Haudricourt A. G., 1953, tr.19] ngôn ngữ của hai nhóm cư dân đã vay mượn lẫn nhau. Nói một cách khác đi, giữa tiếng Việt nói riêng hay các ngôn ngữ nhóm tiếng Việt nói chung với tiếng Thái

hay những ngôn ngữ nhóm tiếng Thái khác dường như chỉ chứng minh là sự tiếp xúc ngôn ngữ khi cư dân nói nhóm tiếng Thái “thiên di” từ phía nam Trung Quốc đến vùng Đông Nam Á như hiện nay, một thực tế mà chúng tôi đã từng có dịp thảo luận [Trần Trí Dõi, 2017].

### 3. Kết luận

Như vậy, có thể đi đến một kết luận là trong tiến trình lịch sử ngôn ngữ người Việt, cho đến hiện nay kết quả nghiên cứu ngôn ngữ học chưa đủ cơ sở khoa học để khẳng định ở giai đoạn *tiền Việt* (proto Vietic, giai đoạn ngôn ngữ như là tiếng mẹ đẻ của cư dân văn hóa Đông Sơn) tiếng nói đã có chữ viết. Khi xã hội người Việt bị phong kiến phương bắc đô hộ và ngôn ngữ người Việt chuyển sang giai đoạn *Việt-Mường cổ* (Archaic Vietmuong), cộng đồng cư dân sử dụng ngôn ngữ người Việt đã phải dùng chữ Hán của những người cai trị trong đời sống xã hội. Ở giai đoạn *Việt-Mường chung* (Vietmuong common) ngôn ngữ người Việt đã có chữ Nôm và đây chính là chữ viết đầu tiên trong xã hội người Việt được dùng để ghi lại tiếng nói của ngôn ngữ người Việt. Với sự ra đời của chữ Nôm, ngôn ngữ văn học của tiếng Việt đã có một bước tiến vượt bậc góp phần quan trọng vào sự hoàn thiện ngôn ngữ người Việt. Khi ngôn ngữ người Việt chuyển sang giai đoạn *tiếng Việt cổ* (Old Vietnamese) và sau đó là *tiếng Việt trung đại* (Middle Vietnamese), ngôn ngữ người Việt lại có thêm một kiểu chữ viết nữa, kiểu *chữ viết Latin* mà ngày nay người Việt đang sử dụng và gọi là *chữ Quốc ngữ*.

Chữ viết theo truyền thống Ấn Độ (còn gọi là chữ *khoa đầu*) của những cư dân nói những ngôn ngữ hay thổ ngữ *nhóm tiếng Thái* ở Việt Nam được bia kí khắc bằng chữ Thái xác nhận xuất hiện lần đầu tiên vào thế kỉ XV (với thời gian chính xác là năm 1411) và được dùng phổ biến từ thế kỉ XVII về sau như dạng thức đang được dùng hiện nay tùy theo từng kiểu chữ tương ứng cho mỗi một *tiếng* hay mỗi một *thổ ngữ*. Những ý kiến cho rằng kiểu chữ viết của người Thái “có nguồn gốc từ chữ viết Đông Sơn” hay “trước thời bắc thuộc” hiện đều chưa hoặc không đủ cơ sở khoa học để chứng minh.

### Chú thích:

<sup>1</sup> Theo chúng tôi, khi Nguyễn Đăng Chi dùng cách nói “trước thời Bắc thuộc”, chúng ta có thể nghĩ rằng trước hết đó sẽ là thời kì “văn hóa Đông Sơn”.

<sup>2</sup> Nghĩa tiếng Việt của từ Hán-Việt “khoa đầu” là “con nòng nọc” hay “đôi chuột”. Đây là từ Hán - Việt dùng để chỉ loại văn tự của một số tộc người ở Đông Nam Á có hệ thống văn tự theo tự dạng Sanscrit kiểu như văn tự cổ của người Thái ở Việt Nam có đường nét tương ứng như “đuôi chuột” hay “con nòng nọc”.

<sup>3</sup> Xin lưu ý thuật ngữ Việt Mường Chung mà Hà Văn Tấn sử dụng ở đây có nội hàm khác với thuật ngữ Việt - Mường chung (Vietmuong common) mà chúng tôi sử dụng khi thảo luận về các giai đoạn phát triển của lịch sử người Việt [Trần Trí Dõi, 2011].

<sup>4</sup> Theo tác giả là hệ thống chữ viết của “cư dân Đông Sơn” với 20 “kí tự” mà ông trình bày.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Nguyễn Đăng Chi (1955), *Vấn đề chữ viết trong văn học sử Việt Nam*, Tập san *Văn Sử Địa*, số 9, tháng 8-1955, tr.22-38.
2. Trần Trí Dõi (2011), *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam. Hà Nội.
3. Trần Trí Dõi (2017), *Trao đổi về vị trí của cư dân nói ngôn ngữ Thái - Kadai trong lịch sử Việt Nam thời tiền sử*. Trong “Phát huy vai trò, bản sắc cộng đồng các dân tộc Thái - Kadai trong hội nhập và phát triển bền vững” (Hội nghị QG về Thái học lần thứ VIII năm 2017), Nxb Thế giới, tr.46-62.
4. Trần Trí Dõi (2020), “Vấn đề ngôn ngữ của cư dân văn hóa Đông Sơn”. Tạp chí *Ngôn ngữ & đời sống*, số 2 (294), tr.3-15.
5. Trần Trí Dõi (2020a), *Nguồn gốc ban đầu của họ ngôn ngữ Nam Á và vấn đề ngôn ngữ cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Trong “Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế khu vực học - Việt Nam học: Định hướng nghiên cứu và đào tạo”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, tr.162-176.

6. Haudricourt A.G (1953), "Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1, tr.19-22.
7. Nguyễn Quang Hồng (2008), *Khái luận văn tự học chữ Nôm*, Nxb Giáo dục.
8. Lê Trọng Khánh (1986), *Sự hình thành và phát triển chữ Việt cổ*, Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội.
9. Lê Trọng Khánh (2010), *Phát hiện chữ Việt cổ Thuộc loại hình Khoa đầu*, Nxb Từ điển Bách Khoa Hà Nội.
10. Trịnh Sinh (2015), *Người Thái và văn hóa Đông Sơn*, trong "Cộng đồng Thái – Kadai Việt Nam những vấn đề phát triển bền vững", Nxb Thế giới, tr.105-113.
11. Hà Văn Tấn (1982), "Dấu vết một hệ thống chữ viết trước Hán và khác Hán ở Việt Nam và nam Trung Quốc", Tạp chí *Khảo cổ học* số 1, tr.31-46.
12. Hà Văn Tấn (1997), *Theo dấu các văn hóa cổ*, Nxb Khoa học Xã hội, 851 tr.
13. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 690 tr.
14. Viện Khảo cổ học (1970), *Hùng Vương dựng nước*, tập I (1970); tập II (1972); tập III (1973); tập IV (1974), Nxb Khoa học Xã hội.

#### Tiếng Anh & Pháp

15. Ferlus M. (1988), *Langues et écritures en Asie du Sud- Est*, The 21<sup>st</sup> ICSTLL, University of Lund, Sweden, Oct. 7-9, 1988, 31p.
16. Ferlus. M (1999), *Les dialectes et les écritures des Tai (Thai) du Nghê An (Vietnam)*, Treizièmes journées de linguistique d'asie orientale, CRLAO, Paris 10-11 juin 1999, 21pp.
17. Sagart. L (2004), *The higher phylogeny of austronesian and the positio of Tai - Kadai*, Workshop " Les premiers austronésians: langue, gènes, systèmes de parenté", CNRS Paris, May 05, 2004, 43pp.

#### Hypothesis of writing systems in Dong Son culture during the Hung Kings period in Vietnam revisited

**Abstract:** In Vietnam, the hypothesis that a "writing system" existed in Dong Son culture was initiated by Ha Van Tan in the 1980s, yet the evidence and arguments he provided were insufficient to prove it. Later, a number of researchers posited that the writing system(s) of Taic speaking tribes with similar features to Sanskrit was/were originated from "Dong Son writing system" during the Hung Kings period. On the basis of historical linguistics studies, this paper presents evidence and analyses to prove the impossible existence of such a writing system in Dong Son culture. This also means the hypothesis that Taic Sanskrit-like writing system(s) occurred in Dong Son culture in Vietnam is groundless.

**Key words:** writing system; Sanskrit style; Dong Son culture; Taic tribes.